

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-01-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Trường An

Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 823/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm: 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 26/7/2012. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân cách nay 02 năm. Nay anh xác định không còn tình cảm nên xin ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Thị Kim Anh, sinh ngày 17/4/2013 (nữ), cháu Võ Ngọc Kiều Vy, sinh ngày 29/8/2014 (nữ), hiện hai cháu đang ở với anh. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

Tại đơn xin trình bày ý kiến ngày 19/01/2024 bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như anh T đã trình bày. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Giống như anh T trình bày, chị đồng ý giao hai con chung cho anh T nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị Kim N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định. Anh T yêu cầu được ly hôn nên xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cho rằng trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn, chị N cũng xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh T xin ly hôn chị đồng ý. Xét thấy, thực tế hôn nhân giữa anh T và chị N đã có mâu thuẫn và đã ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc, chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh T xin ly hôn và chị N đồng ý ly hôn trên tinh thần tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị N xác định có 02 người con chung tên Võ Thị Kim Anh, sinh ngày 17/4/2013 (nữ), cháu Võ Ngọc Kiều Vy, sinh ngày 29/8/2014 (nữ), hiện hai cháu đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi cả hai con và chị N đồng ý, xét đây là sự tự nguyện của đương sự cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T về việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn T về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Võ Thị Kim Anh, sinh ngày 17/4/2013 (nữ), cháu Võ Ngọc Kiều Vy, sinh ngày 29/8/2014 (nữ) cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 04/12/2023 anh T đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0004193 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời (nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan